

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
1		Gói thầu có giá trị 84 tỷ đồng thuộc gói thầu phải áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định chi tiết tại Luật Đấu thầu hiện hành.	0,5
		Bước 1: Chuẩn bị đấu thầu Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Là cơ sở để triển khai các gói thầu trong dự án. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu Bao gồm các tiêu chí kỹ thuật, tài chính, điều kiện hợp đồng, mẫu biểu...	0,5
		Bước 2: Tổ chức đấu thầu Đăng tải thông báo mời thầu Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Tối thiểu 10 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu. Phát hành hồ sơ mời thầu (HSMT) Qua mạng hoặc trực tiếp. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu: Tối thiểu 10 ngày làm việc. Tiếp nhận và mở thầu Mở thầu công khai, đúng thời điểm đóng thầu. Với đấu thầu qua mạng: mở thầu tự động trên hệ thống.	0,5
		Bước 3: Đánh giá hồ sơ dự thầu Đánh giá tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm Kiểm tra tư cách hợp lệ, bảo lãnh dự thầu, năng lực tài chính, nhân lực... Đánh giá kỹ thuật Theo tiêu chí đạt/không đạt hoặc chấm điểm. Đánh giá tài chính So sánh giá dự thầu, xác định giá đánh giá. Xác định nhà thầu trúng thầu Nhà thầu đáp ứng kỹ thuật và có giá dự thầu thấp nhất (hoặc giá đánh giá thấp nhất tùy tiêu chí lựa chọn).	0,5
		Bước 4: Thẩm định và phê duyệt kết quả Lập báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	0,5
		Bước 5: Hoàn thiện và ký kết hợp đồng Thông báo trúng thầu cho nhà thầu Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt kết quả đấu thầu Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện	0,5
Tổng điểm câu 1			3,0đ

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
2		Điều kiện để đưa công trình xây dựng vào khai thác, sử dụng được quy định tại Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn liên quan. Cụ thể, một công trình xây dựng chỉ được đưa vào khai thác, sử dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:	0,5
		1. Được nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng Công trình phải được nghiệm thu hoàn thành theo quy định, đảm bảo an toàn khi đưa vào sử dụng. Việc nghiệm thu bao gồm: nghiệm thu từng phần, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, và nghiệm thu toàn bộ công trình.	0,5
		2. Có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu Đối với công trình thuộc đối tượng phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu thì: Chủ đầu tư phải gửi văn bản báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng sẽ kiểm tra và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Chỉ khi có văn bản chấp thuận nghiệm thu, công trình mới được phép đưa vào sử dụng.	0,5
		3. Đáp ứng yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy (nếu có) Với công trình thuộc diện phải thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC, phải có: Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC. Chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận từ Cục Cảnh sát PCCC hoặc Phòng Cảnh sát PCCC địa phương.	0,5
		4. Đáp ứng yêu cầu về môi trường Với công trình có yêu cầu đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phải có: Văn bản xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường. Hoặc các thủ tục liên quan đến cam kết bảo vệ môi trường.	0,5
		5. Đáp ứng các yêu cầu pháp lý khác Tùy từng loại công trình có thể còn phải đáp ứng các điều kiện khác như: Giấy phép sử dụng điện, nước, cấp thoát nước,... Hồ sơ hoàn công đầy đủ. Các chứng nhận liên quan đến an toàn lao động, vệ sinh môi trường, và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác.	0,5
Tổng điểm câu 2			3,0đ

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
3	a	Sinh viên cần phải nêu được nội dung ước tính sau:	2,0
		Chi phí phí tư vấn quản lý dự án : $G_{QLDA}= G_{XD} \times K = 9,85 \text{ tỷ} \times 3,446\% = 0,339 \text{ tỷ đồng}$ Với K là hệ số định mức chi phí Quản lý dự án, tra bảng 1.1 kèm theo thông tư 12/2021/TT-BXD	0,5
		Chi phí tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: $G_{BCKTKT}= G_{XD} \times K = 9,85 \times 3,99\% = 0,393 \text{ tỷ đồng}$ Với K là hệ số định mức chi phí Quản lý dự án, tra bảng 2.3 kèm theo thông tư 12/2021/TT-BXD (Nội suy)	0,5
		Chi phí tư vấn giám sát thi công: $G_{GS}= G_{XD} \times K = 9,85 \times 3,285\% = 0,3256 \text{ tỷ đồng}$ Với K là hệ số định mức chi phí Quản lý dự án, tra bảng 2.3 kèm theo thông tư 12/2021/TT-BXD	0,5
		Kết luận : $G_{XD}= 9,85 \text{ tỷ đồng}$ $G_{QLDA}= 0,339 \text{ tỷ đồng}$ $G_{BCKTKT}= 0,393 \text{ tỷ đồng}$ $G_{GS} = 0,3256 \text{ tỷ đồng}$	0,5
	b	Sinh viên cần phải nêu được nội dung gồm các ý sau:	2,0
		Đối với công trình sử dụng vốn Nhà Nước, mức tiền bảo hành tối thiểu được quy định như sau:	0,5
		+ 3% giá trị hợp đồng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt và cấp I; + 5% giá trị hợp đồng đối với công trình xây dựng cấp còn lại; + Mức tiền bảo hành đối với công trình sử dụng vốn khác có thể tham khảo các mức tối thiểu nêu trên để áp dụng.	0,5
		Công trình trường phổ thông trung học Võ Văn Kiệt thuộc nhóm công trình xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước. Công trình có thời gian bảo hành không ít hơn 12 tháng do công trình là công trình cấp III;	0,5
		Giá trị bảo hành: - Công trình có giá trị hợp đồng là 9,85 tỷ đồng. - Công trình cấp III theo quy định giá trị bảo hành là 5% giá trị hợp đồng. $9,85 \text{ tỷ} \times 5\% = 0,4925 \text{ tỷ đồng}$ - Giá trị bảo hành là 0,4925 tỷ đồng	0,5
		Tổng điểm câu 3	